

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Cao Văn Vạn.

2/. Ông Huỳnh Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 634/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Ngô Minh H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Chị Đồng Kim T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ngô Minh H trình bày:**

Tôi và chị Đồng Kim T quen biết nhau, tìm hiểu khoảng nửa năm thì kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C3, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 25/12/2020. Sau khi kết hôn tôi và chị T sống với cùng gia đình chị T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định nhưng đến

cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, giữa tôi và gia đình vợ tôi cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2021 đến nay vợ chồng tôi sống ly thân nhau, tôi về sinh sống cùng cha mẹ ruột tôi tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Từ lúc ly thân đến nay chúng tôi không liên lạc gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T .

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn chị Đồng Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đồng Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Anh H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh H , chị T .

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, Anh Hyêu cầu được ly hôn với chị T . Anh H và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị T có nơi cư trú tại xã C3, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C3, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 25/12/2020 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh H trình bày mâu thuẫn giữa anh và chị T là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra giữa Anh H và gia đình chị T cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2021 đến nay Anh H , chị T sống ly thân với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Chị T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Anh H và chị T đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị không liên lạc gì với nhau và cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ Anh H và chị T đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của Anh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Minh H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Minh H được ly hôn với chị Đồng Kim T.

2. Về án phí: Anh Ngô Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016949 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh H , chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã C3, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**